

đến cực kỳ nguy cấp. Cần có các biện pháp bảo vệ kịp thời và khuyến khích nhân trồng trong vườn nhà để tạo nguyên liệu phục vụ nhu cầu chữa bệnh trong cộng đồng.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được thực hiện bằng nguồn kinh phí từ nhiệm vụ Bảo tồn cây thuốc cổ truyền và tri thức bản địa năm 2022 do Viện Dược liệu chủ trì.

Tài liệu tham khảo

1. UBND huyện Bắc Hà (2022), Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Hà. 2. Bộ Khoa học và công nghệ và Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam (2007), *Sách Đỏ Việt Nam*, NXB Khoa học tự nhiên. (phần 2 - Thực vật). 612 trang. 3. Phạm Hoàng Hộ (1999-2000), *Cây cỏ Việt Nam*, tập 1, 2, 3. NXB Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh. 4. Nguyễn Tiên Bân (chủ biên) (2001-2005), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội. 5. Đỗ Tất Lợi (2009), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội. 6. Võ Văn Chi (2012), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, tập 1, 2, NXB Y học, Hà Nội. 7. Nguyễn Nghĩa Thìn (2004), *Phương pháp nghiên cứu thực vật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 8. Viện Dược liệu (2016), *Danh lục cây thuốc Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. 9. Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Chung, Bùi Xuân Chương, Nguyễn Thượng Dong, Đỗ Trung Đàm, Phạm Văn Hiến, Vũ Ngọc Lộ, Phạm Duy Mai, Phạm Kim Mân, Đoàn Thị Nhu, Nguyễn Tập, Trần Toàn (2006), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

Tạp chí Dược liệu, tập 28, số 1/2023 (Trang 51 - 55)

ĐA DẠNG CÂY THUỐC Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

Phạm Thanh Huyền^{1,*}, Nguyễn Văn Hiếu^{1,*}, Phan Văn Trường¹, Nguyễn Quỳnh Nga¹, Đặng Minh Tứ¹, Lại Việt Hưng¹, Nhâm Minh Phúc¹, Phạm Thị Ngọc¹, Lê Đức Thanh², Nguyễn Thu Hằng², Nguyễn Hoàng Hảo³, Võ Quang Trung³, Nguyễn Văn Linh³, Nguyễn Minh Khởi¹

¹Viện Dược liệu; ²Trung tâm Sâm và Dược liệu thành phố Hồ Chí Minh - Viện Dược liệu;

³Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai

*Email: hieueibr@gmail.com

(Nhận bài ngày 18 tháng 01 năm 2023)

Tóm tắt

Kết quả nghiên cứu cây thuốc ở vùng Đông Nam Bộ đã xác định được 1840 loài, 915 chi, 214 họ thuộc 4 ngành/nhóm thực vật bậc cao có mạch, bao gồm Rong rêu (Chlorophyta), Thực vật sinh sản bằng bào tử (Pteridophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, 50 loài có giá trị bảo tồn theo thang đánh giá của Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam (2006 và 2019), Nghị định số 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Hình thức sử dụng cây thuốc cũng được chia làm 3 nhóm gồm: chia theo bộ phận dùng, phương thức sử dụng và nhóm bệnh chữa trị. Dạng sống của cây thuốc được chia làm 6 nhóm, bao gồm: cây thân thảo có 682 loài (chiếm 37,07%), cây bụi có 366 loài (19,89%), dây leo có 258 loài (14,02%), cây gỗ có 462 loài (25,11%), bán ký sinh có 53 loài (2,88%) và phụ sinh có 19 loài (1,03%).

Từ khóa: Cây thuốc, Đa dạng, Vùng Đông Nam Bộ.

Summary

Diversity of Medicinal Plants from Southeast Region of Vietnam

A study on the medicinal plants from the Southeast region - Vietnam resulted in the identification of 1840 species of medicinal plants belonging to 915 genera, 214 families of 4 phyla/groups of vascular plants (Chlorophyta, Pteridophyta, Pinophyta, and Magnoliophyta). Of those, 50 species were listed in the Vietnam Red Data Book (Part II, Plants, 2007), the Red List of Medicinal Plants in Vietnam (2006 and 2019) and in Decree No. 84/2021/NĐ-CP of the government. The list of medicinal plants was categorized according to their (1) part of use, (2) mode of use and (3) therapeutic use. Life forms of medicinal plants were divided into seven groups including: (1) grasses with 682 species (37.07%), (2) shrubs with 366 species (19.89%), (3) lianas with 258 species (14.02%), (4) trees with 462 species (25.11%), (5) hemiparasites with 53 species (2.88%), and (6) epiphytes with 19 species (1.03%).

Keywords: Southeast region, Medicinal plants, Diversity.

1. Đặt vấn đề

Với diện tích tự nhiên lên đến 23.000 km², diện tích rừng tương đối lớn với 7 Vườn Quốc gia (VQG) và Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) là VQG Bù Gia Mập, VQG Lò Gò - Xa Mát, VQG Cát Tiên, VQG Côn Đảo, Khu BTTN Bình Châu - Phước Bửu, Khu BTTNVH Đồng Nai và Khu Dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ; vùng Đông Nam Bộ bao gồm 5 tỉnh (Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu) và 1 thành phố (thành phố Hồ Chí Minh) được đánh giá là vùng quan trọng và rất tiềm năng về tài nguyên cây thuốc của Việt Nam. Mặc dù vậy, các nghiên cứu và công bố về nguồn tài nguyên cây thuốc ở vùng này vẫn còn chưa nhiều. Những nghiên cứu này còn manh mún, mới chỉ được

thực hiện tại một số địa phương. Ngoài ra, với quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa rất mạnh tại vùng, đa dạng sinh học suy giảm với tốc độ đáng báo động trong đó nhiều loài cây thuốc quý, hiếm và có giá trị kinh tế cao có nguy cơ bị đe dọa, thậm chí tuyệt chủng nếu chúng ta không kịp thời có những biện pháp bảo tồn hợp lý. Do đó, việc nghiên cứu, điều tra và tổng hợp, phân tích các dữ liệu, thông tin từ các tài liệu và công trình nghiên cứu đã công bố về cây thuốc vùng Đông Nam Bộ nhằm góp phần bảo tồn bền vững nguồn tài nguyên quý giá này đặc biệt là những nguồn gen cây thuốc đặc hữu, quý, hiếm và có giá trị kinh tế của vùng là rất cần thiết.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài cây thuốc có phân bố tại vùng Đông Nam Bộ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp kê thừa: tập hợp, phân tích, thu thập thông tin từ các công trình khoa học, các kết quả khảo sát đánh giá nhanh, sách, tạp chí, các tư liệu khoa học đã có liên quan đến đối tượng nghiên cứu.

Phỏng vấn: phỏng vấn các thầy lang, thầy thuốc, những người thu hái, mua bán và người dân địa phương về những kinh nghiệm sử dụng các loài cây làm thuốc và các bài thuốc gia truyền.

Thu mẫu thực địa: tiến hành điều tra theo tuyến ở những sinh cảnh đại diện có sự tham gia của người dân địa phương để thu thập mẫu tiêu bản, dược liệu và nguồn gen cây thuốc, làm cơ sở để xác định tên khoa học và xây dựng danh lục thành phần loài.

Xử lý mẫu và giám định tên: các mẫu tiêu bản sau khi mang về phòng thí nghiệm, tiếp tục xử lý sấy khô nhằm phục vụ công tác lưu trữ và giám định tên. Tiêu bản được xử lý theo "TCVN 13531: 2022 mẫu tiêu bản thực vật - yêu cầu kỹ thuật. Việc xác định tên khoa học và ghi nhận công dụng của cây thuốc được tiến hành theo phương pháp hình thái so sánh trên cơ sở các tài liệu chuyên ngành như: Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 1999-

2000) [1], Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam (Đỗ Huy Bích, 2006) [2], Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi, 2012), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi, 2009) [3]..., đồng thời so mẫu và lưu giữ mẫu ở Phòng tiêu bản thực vật (NIMM) của Viện Dược liệu. Cập nhật tên khoa học của cây thuốc theo Plants of the World Online (2021) [4]. Tổng hợp và lập danh lục cây thuốc theo Brummitt (1992) [5].

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Đa dạng thành phần loài cây thuốc

Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi đã ghi nhận được thành phần cây thuốc ở vùng Đông Nam Bộ có 1840 loài, 915 chi, 214 họ của 4 ngành thực vật bậc cao có mạch là: Chlorophyta, Pteridophyta, Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, ngành Rong rêu (Chlorophyta) có 22 loài thuộc 11 chi của 8 họ; Thực vật sinh sản bằng bào tử (Pteridophyta) có 83 loài thuộc 41 chi của 26 họ; ngành Thông (Pinophyta) có 11 loài thuộc 6 chi của 6 họ; ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có 1756 loài thuộc 853 chi của 186 họ, trong đó có 1475 loài thuộc lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) và 281 loài thuộc lớp Hành (Liliopsida) (Bảng 1).

Bảng 1. Phân bố các taxon trong các ngành thực vật

Ngành	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Chlorophyta	8	3,74	11	1,20	22	1,20
Pteridophyta	26	12,15	41	4,48	83	4,51
Pinophyta	6	2,80	6	0,66	11	0,60
Magnoliophyta	186	86,92	853	93,22	1.756	95,43
Tổng	214	100	915	100	1.840	100

Đi sâu nghiên cứu về ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) cho thấy: lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 1475 loài (chiếm 84% tổng số loài nghiên cứu), 708 chi (chiếm 83%) và 147 họ (chiếm 79%); trong khi đó lớp Hành (Liliopsida) có các taxon ở mỗi bậc đều dưới 25%. Tỷ lệ lớp Ngọc lan/lớp Hành là 4,55/1,35. Kết quả cho thấy lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có số lượng loài cây thuốc chiếm ưu thế trong ngành thực vật hạt kín cũng như trong hệ thực vật trong khu vực nghiên cứu.

Về đa dạng loài ở bậc họ, kết quả đã thống kê được 57 họ chỉ có 1 loài (chiếm 26,63% tổng số loài của khu vực nghiên cứu), 86 họ có số lượng loài thuộc danh sách từ 2 - 10 (chiếm 40,18% tổng số loài). Ba họ có số lượng loài cây làm thuốc nhiều nhất là họ Đậu (Fabaceae) có 102 loài (chiếm 5,55% tổng số loài của khu vực nghiên cứu), họ Trúc đào (Apocynaceae) có 67 loài (chiếm 3,65% tổng số loài), Thầu dầu (Euphorbiaceae) có 64 loài (chiếm 3,48% tổng số loài), và họ Cúc (Asteraceae) có 52 loài (chiếm 2,83% tổng số loài); ngoài ra, một số họ khác cũng có nhiều loài làm thuốc như: Ô rô (Acanthaceae) có 23 loài, Na (Annonaceae) có 31

loài. Đây cũng là những họ có số lượng loài lớn trong hệ thực vật Việt Nam và có nhiều loài có giá trị làm thuốc.

Về đa dạng loài ở bậc chi, kết quả tổng hợp thông tin như sau: 319 chi đơn loài chiếm 34,8% tổng số chi khảo sát, các chi có nhiều loài làm thuốc nhất gồm: Sung (*Ficus*) có 27 loài (chiếm 1,46% tổng số loài), Chối mồi (*Antidesma*) có 12 loài (chiếm 0,65% tổng số loài), một số chi khác thống kê được nhiều loài như: Cà (*Solanum*), Hành (*Allium*), Hồ đẳng (*Cissus*) có 9 loài. Như vậy, có thể thấy sự đa dạng về loài của các chi thấp. Đây là những chi có nhiều loài dùng làm thuốc phổ biến như: Sung (*Ficus racemosa* L.), chối mồi (*Antidesma ghaesembilla* Gaertn.), hồ đẳng sáu cạnh (*Cissus hexangularis* Thorel ex Planch.),...

3.2. Đa dạng về dạng thân của cây thuốc

Theo cách phân chia dạng thân của Nguyễn Nghĩa Thìn (1997, 2001) [6],[7], dạng thân của cây thuốc ở vùng Đông Nam Bộ được chia thành 6 nhóm chính là: cây thân thảo, cây bụi/bụi trườn, dây leo, gỗ, bán ký sinh và phụ sinh. Trong đó, nhóm cây thân thảo (C) có số lượng loài nhiều nhất với 682 loài, chiếm 37,07% tổng số loài cây thuốc nghiên cứu; nhóm cây bụi/bụi trườn (B) có 366 loài,

chiếm 19,89%; nhóm dây leo (DL) có 258 loài, chiếm 14,02%; nhóm cây gỗ (G) có 462 loài, chiếm 25,11%; nhóm cây bán ký sinh (BKS) có 53 loài, chiếm 2,88% và nhóm cây phụ sinh (PS) có số lượng loài ít nhất với 19 loài, chiếm 1,03%.

3.3. Đa dạng về giá trị sử dụng của cây thuốc

Phân chia theo bộ phận dùng: từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi phân chia các bộ phận sử dụng của cây thuốc làm 7 nhóm chính bao gồm: thân - vỏ thân, rễ - vỏ rễ, lá, quả, hạt, hoa và bộ phận khác (tinh dầu, nhựa, bào tử...). Bộ phận được sử dụng nhiều nhất là thân - vỏ thân với 637 loài, chiếm 34,62% tổng số loài nghiên cứu. Đây là bộ phận dễ thu hái với nhiều cách sử dụng khác nhau (sắc, hầm chè, nấu nước uống, nấu nước rửa, giã đắp). Kế đến là bộ phận rễ - vỏ rễ với 479 loài, chiếm 26,03% số loài. Nó có thể được dùng tươi hoặc phơi khô. Sử dụng bộ phận lá với 433 loài, chiếm 23,53%. Thông thường lá sau khi thu hái về được phơi khô và bảo quản đúng quy định để sử dụng lâu dài và tránh giảm tác dụng chữa bệnh. Nhóm sử dụng quả có 139 loài, chiếm 7,55%. Nhóm này chủ yếu ăn sống khi quả chín hoặc xanh. Ngoài ra, các bộ phận còn lại như hoa, tinh dầu, nhựa, bào tử... cũng được sử dụng (hoa có 80 loài, chiếm 3,34%; bộ phận khác có 112 loài, chiếm 5,08% tổng số loài khảo sát) (Bảng 2).

Bảng 2. Đa dạng các bộ phận sử dụng cây thuốc

STT	Bộ phận dùng	Số loài cây thuốc	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Thân - vỏ thân	637	34,62
2	Rễ - vỏ rễ	479	26,03
3	Lá	433	23,53
4	Quả	139	7,55
5	Bộ phận khác (tinh dầu, nhựa, bào tử,...)	112	6,08
6	Hạt	97	5,27
7	Hoa	80	4,34

Phân chia theo nhóm bệnh chữa trị: theo kinh nghiệm y học cổ truyền, một cây thuốc có thể chữa được nhiều bệnh và ngược lại kết hợp nhiều cây thuốc để chữa một bệnh. Theo tài liệu của một số tác giả như: Phạm Hoàng Hộ [1], Đỗ Huy Bích [2], Võ Văn Chi [8], Đỗ Tất Lợi [3] cũng như trong quá trình điều tra nghiên cứu, phỏng vấn các thầy lang, thầy thuốc và người dân địa phương, chúng tôi chia cây thuốc ở vùng Đông Nam Bộ làm 15 nhóm bệnh chữa trị (Bảng 3).

Bảng 3. Các nhóm bệnh được chữa trị bằng cây thuốc

TT	Nhóm công dụng của cây thuốc	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Bệnh ngoài da: mụn nhọt, mẩn ngứa,...	288	15,65
2	Bệnh xương khớp: tê thấp, đau nhức,...	287	15,65
3	Bệnh do thời tiết: cảm, sốt, nhức đầu,...	202	10,98
4	Động vật cắn: rắn, rết, vết cắn,...	150	8,15
5	Bệnh tiêu hóa: kiết lỵ, tiêu chảy,...	148	8,04
6	Bệnh về phụ nữ: sinh đẻ, sau sinh, kinh nguyệt không đều,...	134	7,28
7	Bệnh về phổi: ho, hen, viêm phổi,...	121	6,57

TT	Nhóm công dụng của cây thuốc	Số loài	Tỷ lệ (%)
8	Bệnh về mắt: đau mắt đỏ, đau mắt hột,...	121	6,57
9	Bồi dưỡng cơ thể: bổ máu, tăng cường thể trạng,...	105	5,70
10	Bệnh về thần kinh: mất ngủ, đau đầu, suy nhược cơ thể,...	91	4,94
11	Cầm máu	90	4,89
12	Bệnh về thận: thông tiểu, thông mật, sỏi thận,...	90	4,89
13	Giun, Sán,...	61	3,31
14	Giải độc, tiêu viêm, say rượu bia,...	61	3,31
15	Bệnh về huyết áp, tim,...	59	3,20

Từ Bảng 3 cho thấy, các loài cây thuốc ở vùng Đông Nam Bộ được sử dụng chữa rất nhiều bệnh. Trong đó, cây thuốc chữa nhóm bệnh ngoài da (mụn nhọt, lở ngứa, sưng viêm...) chiếm tỷ lệ cao nhất (15,65%) với 2886 loài và ít nhất là cây thuốc chữa nhóm bệnh về huyết áp và tim với 59 loài, chiếm 3,20%. Một số loài cây thuốc được các thầy lang, thầy thuốc và người dân địa phương sử dụng phổ biến để chữa bệnh như: Vàng đắng (*Coscinium fenestratum* (Goetgh.) Colebr.), hoàng đằng (*Fibraurea recisa* Pierre), gấm chùm to (*Gnetum macrostachyum* Hook.f.), thiên môn (*Asparagus cochinchinensis* (Lour.) Merr.)...

Phân chia theo phương thức sử dụng: trên cơ sở tổng hợp các cách chế biến và sử dụng cây thuốc để chữa bệnh mà có thể tạm chia phương thức sử dụng cây thuốc làm 2 nhóm là nhóm dùng ngoài và nhóm dùng đường uống. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, có 836 loài cây thuốc dùng ngoài và 1286 loài cây thuốc dùng đường uống (Bảng 4). Trong đó, giã đắp là phương thức dùng ngoài có số lượng loài nhiều nhất với 626 loài, và sắc uống là phương thức dùng uống có số lượng loài cao nhất với 1202 loài. Theo kinh nghiệm cổ truyền, người dân địa phương có thể sử dụng cây tươi, cây khô hay vừa tươi vừa khô để chữa bệnh. Đối với nhóm cây tươi, thường là cây thân thảo hay cây có bộ phận dùng là lá, hoa, quả dùng giã đắp, bôi ngoài da, xông hơi, nấu nước uống hay làm rau ăn. Đối với nhóm cây khô, cây thuốc thu hái về có thể được chặt nhỏ phơi khô hoặc sao ở các mức độ khác nhau dùng sắc uống, hầm chè, ngâm rượu.

Bảng 4. Các phương thức sử dụng cây thuốc

Phương thức sử dụng	Phương thức chế biến	Số loài	Tổng số loài
Dùng ngoài	Nấu cao bôi	8	836
	Xông hơi	16	
	Ngâm rượu xoa bóp	26	
	Nấu nước tắm, gội, rửa	164	
Dùng uống	Giã đắp	626	1286
	Giã uống	24	
	Ngâm rượu uống	74	
	Hãm trà	66	
	Sắc uống	1202	

Đa dạng về nguồn gen quý hiếm của cây thuốc

Để có chính sách ưu tiên và biện pháp bảo vệ có hiệu quả nguồn tài nguyên cây thuốc thì việc đánh giá mức độ đe dọa của các loài cây thuốc trong khu vực nghiên cứu đóng vai trò rất quan trọng. Theo Sách đỏ Việt Nam (SĐVN 2007) [9], Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam (2006 và 2019) [10],[11] và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP của chính phủ [12], thì vùng Đông Nam Bộ có 50 loài cây thuốc (chiếm 2,7% tổng số loài cây thuốc ghi nhận tại vùng) có giá trị bảo tồn. Trong đó, có 16 loài được đưa vào đối tượng của Nghị định 84/2021/NĐ-CP của chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; 25 loài thuộc Sách đỏ Việt Nam (2007) và 11 loài thuộc Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam (2006 và 2019).

4. Bàn luận

Cây thuốc ở vùng Đông Nam Bộ rất phong phú và đa dạng. Điều này thể hiện qua số lượng và thành phần loài cây thuốc. Trong đó có nhiều loài không chỉ có giá trị khoa học mà còn có giá trị kinh tế cao như: Vây đắng (*Arcangelisia flava* (L.) Merr), lá khô (*Ardisia silvestris* Pit.), vàng đắng (*Coscinium fenestratum* (Goetgh.) Colebr.), thiên niên kiện (*Homalomena occulta* (Lour.) Schott), thiên môn đông (*Asparagus cochinchinensis* (Lour.) Merr.), bách bộ (*Stemona tuberosa* Lour.)...

Nếu so với các nghiên cứu trước đó về đa dạng cây thuốc tại vùng Đông Nam Bộ thì nghiên cứu này là công trình đầu tiên tổng hợp, thống kê kết hợp với điều tra, khảo sát nhanh về cây thuốc tại vùng, từ đó bổ sung một số lượng lớn các loài cây thuốc cho vùng. Cụ thể, kết quả tổng hợp thông tin cây thuốc từ các đề tài nghiên cứu đã công bố, vùng Đông Nam Bộ ghi nhận 1.782 loài cây thuốc, trong đó tỉnh Bình Phước (có 266 loài), tỉnh Tây Ninh (433 loài), thành phố Hồ Chí Minh (299 loài), tỉnh Đồng Nai (1521 loài), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (479 loài) và tỉnh Bình Dương (691 loài). Nghiên cứu này đã bổ sung 58 loài cây mới có tác dụng làm thuốc so với các nghiên cứu trước đó, nâng danh lục cây thuốc của vùng từ 1782 loài lên 1840 loài.

Điều đặc biệt là trong số các loài được ưu tiên bảo tồn, tình trạng quần thể của 3 loài: Vây đắng (*Arcangelisia flava* (L.) Merr), trà bạc (*Camellia dormoyana* (Pierre) Sealy), trà cát tiên (*Camellia cattienensis* Orel) vẫn còn khá phổ biến. Đây là thực tế hiếm thấy trong các quần hệ thực vật rừng tại vùng Đông Nam Bộ bởi tình trạng khai thác rất mạnh những loài có giá trị y tế và kinh tế cao.

Bên cạnh sự đa dạng về giá trị nguồn gen, tài

nguyên cây thuốc ở đây còn có giá trị sử dụng cao dùng làm nguồn nguyên liệu chiết xuất các hợp chất tự nhiên có hoạt tính cao được dùng để làm thuốc như: Vàng đắng (*Coscinium fenestratum* (Goetgh.) Colebr.), vây đắng (*Arcangelisia flava* (L.) Merr) dùng để chiết xuất berberin, hoàng đắng (*Fibraurea recisa* Pierre) chiết palmatin. Các hợp chất này thuộc nhóm alkaloid có tác dụng chữa tiêu chảy, lỵ, nhiễm khuẩn đường tiêu hoá. Chóp mấu nam bộ (*Salacia cochinchinensis* Lour.) chứa các hợp chất terpenoid có tác dụng hạ đường huyết. Ngũ gia bì chân chim (*Schefflera heptaphylla* (L.) Frodin) dùng làm nguyên liệu chiết xuất các hợp chất saponin có tác dụng lợi tiểu, chống viêm. Ngoài ra còn nhiều loài cây thuốc khác có chứa các hợp chất tự nhiên có tác dụng chữa bệnh.

Hiện nay vùng Đông Nam Bộ có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái nên việc quy hoạch phát triển du lịch và xây dựng một số cơ sở hạ tầng khác đã làm thu hẹp và chia cắt địa hình, ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên thiên nhiên nơi đây, nhất là tài nguyên cây thuốc.

5. Kết luận

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, thành phần cây thuốc ở vùng Đông Nam Bộ có 1840 loài, 915 chi, 214 họ của 4 ngành/nhóm thực vật bậc cao có mạch là: Rong rêu (Chlorophyta), Thực vật sinh sản bằng bào tử (Pteridophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta); gồm 6 nhóm dạng thân chính, 7 nhóm bộ phận sử dụng, 2 phương thức dùng và 15 nhóm bệnh được chữa trị bằng cây thuốc. Trong đó có 58 loài cây mới so với các nghiên cứu trước đây, nâng danh lục cây thuốc của vùng Đông Nam Bộ từ 1782 loài lên 1840 loài. Đồng thời, nghiên cứu cũng đã ghi nhận được 50 loài cây thuốc có giá trị bảo tồn theo thang đánh giá của Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam (2006 và 2019) và Nghị định 84/2021/NĐ-CP của chính phủ.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hoàn thành với sự hỗ trợ toàn diện của đề tài cấp Quốc gia "Nghiên cứu bảo tồn nguồn gen cây thuốc đặc hữu, quý, hiếm của vùng Đông Nam Bộ tại Khu bảo tồn Thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai", mã số 23/2017-NVQG. Các tác giả xin cảm ơn Văn phòng Các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước và Vụ khoa học các ngành Kinh tế - Kỹ thuật (Bộ Khoa học và Công nghệ), Khu Bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, VQG Cát Tiên, VQG Bù Gia Mập, VQG Lò Gò - Xa Mát, Khu BTTN Bình Châu - Phước Bửu, Rừng phòng hộ Tân Phú và nhiều đơn vị tại vùng Đông Nam Bộ đã giúp đỡ, tạo điều kiện tốt nhất và cùng chúng tôi hợp tác nghiên cứu, triển khai thực hiện đề tài đạt kết quả tốt đẹp.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Hoàng Hộ (1999, 2000), Cây cỏ Việt Nam, Quyển 1, 2, 3, NXB Trẻ.
2. Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Chung, Bùi Xuân Chương, Nguyễn Thượng Đông, Đỗ Trung Đàm, Phạm Văn Hiến, Vũ Ngọc Lộ, Phạm Duy Mai, Phạm Kim Mẫn, Đoàn Thị Nhu, Nguyễn Tập, Trần Toàn (2006), Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập 1 và 2, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
3. Đỗ Tất Lợi (2009), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, NXB Y học.
4. Plants of the World Online:

<https://powo.science.kew.org/>. 5. Brummitt R. K. (1992), Vascular plant families and genera, Royal Botanic Gardens, Kew. 6. Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), Cẩm nang tra cứu đa dạng sinh vật, NXB Nông nghiệp. 7. Nguyễn Nghĩa Thìn (2001), Thực vật học dân tộc - Cây thuốc của đồng bào Thái Con Cuông, Nghệ An, NXB Nông nghiệp. 8. Võ Văn Chi (2012), Từ điển cây thuốc Việt Nam, Tập 1, 2, NXB Y học. 9. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007), Sách Đỏ Việt Nam - Phần Thực vật, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ. 10. Nguyễn Tập (2007), Cẩm nang những cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam, Mạng lưới LSNG, IUCN xuất bản, 129 trang. 11. Nguyễn Tập (2019), Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam, tập 24, số 6/2019, Trang 319 - 328. 12. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Tạp chí Dược liệu, tập 28, số 1/2023 (Trang 55 - 60)

ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC TẠI TỈNH CÀ MAU

Trần Thị Liên¹, Cao Ngọc Giang¹, Trần Minh Ngọc², Lê Đức Thanh¹, Nguyễn Minh Hùng¹,

Nguyễn Xuân Trường¹, Ngô Thị Minh Huyền^{1,*}

¹*Viện Dược liệu; ²Cục Y Dược cổ truyền*

*Email: ngominhhuyen129@gmail.com

(Nhận bài ngày 30 tháng 01 năm 2023)

Tóm tắt

Tỉnh Cà Mau có diện tích rừng lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nhờ có hệ sinh thái khá đa dạng tập trung tại Vườn Quốc gia (VQG) U Minh Hạ và VQG Mũi Cà Mau, nên đây là nơi sinh sống của các loài động vật hoang dã và của nhiều loài thực vật, trong đó phải kể đến là các loài thực vật dùng làm thuốc. Kết quả điều tra đã ghi nhận có 229 loài cây thuốc thuộc 185 chi, 81 họ, 2 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành Dương xỉ (Pteridophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Hai họ có số loài nhiều nhất là họ Cúc 20 loài và họ Đậu 14 loài. Dạng sống của cây thuốc được chia làm 6 nhóm, trong đó dạng thân thảo chiếm số lượng lớn nhất là 121 loài chiếm 52,84%. Trong các bộ phận được sử dụng làm thuốc thì bộ phận cả cây được sử dụng nhiều nhất với 114 loài chiếm 49,78%. Nhóm thuốc chữa các bệnh về gan, thận, mật, đường tiết niệu có nhiều loài nhất (124 loài). 2 loài cây thuốc nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007) là loài Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz) ở mức sẽ nguy cấp (VU A2c, B1 + 2a,b) và loài Bí kỷ nam (*Hydnophytum formicarum* Jack.) ở mức nguy cấp (EN Alb, d, B1 + 2b,e), một loài nằm trong Nghị định 84/2021/NĐ-CP là loài Lỗi tiên (*Stephania longa* Lour.)

Từ khóa: Cây thuốc, Đa dạng cây thuốc, VQG U Minh Hạ, VQG Mũi Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Summary

Diversity of Medicinal Plant Resources in Ca Mau Province

Ca Mau province has the largest forest area in the Mekong Delta. The quite diverse ecosystems concentrated in U Minh Ha and Mui Ca Mau National Parks, this is home to wildlife and many plant species, including real species medicine. The survey results have recorded 229 medicinal plant species belonging to 185 genera, 81 families, 2 division of vascular plants as Pteridophyta and Magnoliophyta. The two richest families with 20 species and 14 species respectively are Asteraceae and Fabaceae. The life-form of medicinal plants is divided into six groups, most of them belong to herb with 121 species (52.84%). Among the parts used for medicines, the whole plant is most used with 114 species (49.78%). The group of medicines for treating diseases of liver, kidney, bile, urinary tract has the most species (124 species). Two medicinal plant species listed in "Vietnam Red Book" (2007) are *Elaeocarpus hygrophilus* Kurz at endangered level (VU A2c, B1 + 2a,b) and *Hydnophytum formicarum* Jack. at endangering level (EN Alb, d, B1 + 2b,e); a species included in the Government Decree No 84/2021/ND - CP is *Stephania longa* Lour.

Keywords: Ca Mau province, Diversity of medicinal plants, Medicinal plant, Mui Ca Mau National Park, U Minh Ha National Park.

1. Đặt vấn đề

Cà Mau là tỉnh nằm ở cực Nam của Việt Nam. Phần đất liền có diện tích 5.211 km², bằng 1,58% diện tích cả nước; 13,1% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long. Với vị trí giáp biển 2 mặt, Cà Mau như một bán đảo nằm ở vĩ độ địa lý thấp, tính cận xích đạo trong khí hậu khá đặc trưng. Rừng ở Cà Mau với đặc thù là rừng sinh thái ngập mặn (chiếm gần 77% diện tích rừng ngập mặn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long). Bên cạnh đó sâu trong lục địa Cà Mau còn hệ sinh thái rừng tràm (phân bố chủ yếu ở các huyện U Minh, Trần Văn Thời, Thới Bình...). Tỉnh Cà Mau có diện tích đất lâm nghiệp lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long với 2 loại rừng nổi tiếng là rừng tràm VQG U Minh Hạ ở huyện U Minh và VQG Mũi Cà Mau với rừng đước ở vùng ngập triều ven biển huyện Năm Căn và Ngọc Hiển. Đây là 2 hệ sinh thái rừng đặc thù ở

Đồng bằng sông Cửu Long có năng suất sinh học cao và đa dạng, đảm nhiệm vai trò cân bằng sinh thái gìn giữ bảo vệ môi trường, điều hoà khí hậu, phòng hộ ven biển và cửa sông. Đặc biệt Cà Mau có 2 hệ sinh thái nổi tiếng là hệ sinh thái rừng ngập lợ chua phèn và hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển. Rừng ở tỉnh Cà Mau có vai trò quan trọng là đảm bảo duy trì cân bằng sinh thái, gìn giữ bảo vệ môi trường, điều hoà khí hậu, phòng hộ ven biển và cửa sông, hỗ trợ cho phát triển du lịch, dịch vụ và ngành nghề nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập góp phần xoá đói giảm nghèo.

Viện Dược liệu được Chương trình Tây Nam Bộ phê duyệt đề tài: "Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn, trồng trọt một số loài cây thuốc ở một số tỉnh vùng Tây Nam Bộ" nhằm điều tra, tư liệu hóa danh mục các loài cây thuốc thiết yếu có giá trị sử dụng, phân bố tại tỉnh Cà Mau.